

Số: 121 /TTr-UBND

TP. Bắc Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1)
để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 ban hành quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 53/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố Bắc Giang; số 185/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 về việc thu hồi đất đã cho Công ty TNHH đầu tư Đồng Lực thuê, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bắc Giang quản lý; số 544/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 913/UBND-XD ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và hình thức đầu tư Dự án Khu trung tâm xúc tiến thương mại và nhà ở phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-CT ngày 04/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ DHP thuê đất để xây dựng Bệnh viện đa khoa Kinh Bắc tại phường Mỹ Độ, thị xã (nay là thành phố) Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố: Số 2083/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 về việc thu hồi 40.669,6m² đất nông nghiệp (đợt 1) của 62 hộ gia đình, cá nhân và đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Mỹ Độ quản lý; số 2084/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; số 1749/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 về việc thu hồi đất phi nông nghiệp; số 2323/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 về việc thu hồi đất Thủy lợi để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang;

Xét đơn xin giao đất (đợt 1) ngày 24/9/2018 của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội; của UBND phường Mỹ Độ tại Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 17/9/2018; của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1854/TTr-TNMT ngày 25/9/2018,

UBND thành phố Bắc Giang trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt những nội dung như sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng 51.102,0m² (*Năm mươi một nghìn, một trăm linh hai mét vuông*) đất đã được UBND thành phố thu hồi tại các Quyết định: số 2083/QĐ-UBND ngày 13/12/2017; số 1749/QĐ-UBND ngày 09/7/2018; số 2323/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; trong đó có: 8.471,0m² đất Lúa; 42.631,0m² đất khác.

(có Danh sách chi tiết các thửa đất kèm theo)

2. Giao đất để sử dụng vào mục đích như sau: Giao toàn bộ diện tích 51.102,0m² (*Năm mươi một nghìn, một trăm linh hai mét vuông*) đất đề nghị chuyển mục đích sử dụng tại Mục 1 nêu trên cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội để thực hiện dự án Khu đô thị mới Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; trong đó:

- Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở: 21.340,4m²;
- Giao đất không thu tiền sử dụng đất để sử dụng mục đích công trình công cộng, khuôn viên cây xanh, đường giao thông, bãi xe, ga rác: 29.761,6m².

3. Giao UBND phường Mỹ Độ quản lý 454,7m² đất thu hồi trọn thửa ngoài chỉ giới để quản lý sử dụng theo quy hoạch.

4. Địa điểm khu đất: Khu vực các xứ đồng: Cỏ Bồng, Đồng Thương thuộc Tổ dân phố số 3 và số 4, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên các tờ Bản đồ trích đo địa chính khu đất, tỷ lệ 1/500 kèm theo).

5. Về công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB: Toàn bộ diện tích 51.556,7m² đã thực hiện xong bồi thường, hỗ trợ GPMB theo quy định pháp luật.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 89 /TTr-UBND ngày 09/7/2018 của UBND thành phố)

UBND thành phố đề nghị Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy, HĐND TP (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP (để B/c);
- Các phòng, đơn vị: TNMT, QLĐT TP;
- Công ty CPĐT và TM Hà Nội;
- LĐ, CVTN VP HĐND-UBND TP;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thạo

**DANH SÁCH THỬA ĐẤT, DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI, CHUYỂN MỤC SỬ DỤNG (ĐỢT 1)
ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI MỸ ĐỘ, PHƯỜNG MỸ ĐỘ, THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Địa điểm: Tổ dân phố số 3 và tổ dân phố số 4, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang

(Kèm theo Tờ trình số 121/Tr-UBND ngày 25/9/2018 của UBND thành phố)

Số TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích (m ²)	DT trong RGQH đề nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất (m ²)	DT đã thu hồi, bồi thường GPMB (m ²)	DT còn lại (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=4-5	8	9
1	1	52	76,8	76,8	76,8	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
2	1	74	203,1	203,1	203,1	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
3	1	70	225,5	151,1	225,5	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
4	1	75	134,6	131,1	134,6	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
5	1	77	6,1	6,1	6,1	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
6	2	34	246,0	151,5	246,0	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
7	1	65	215,0	194,5	215,0	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
8	2	16	322,3	322,3	322,3	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
9	2	17	113,0	113,0	113,0	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
10	2	14	376,6	376,6	376,6	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
11	2	11	869,2	834,6	869,2	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
12	1	71	262,6	262,6	262,6	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
13	2	27	411,8	411,8	411,8	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
14	1	41	271,8	271,8	271,8	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
15	1	42	39,5	39,5	39,5	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
16	2	29	250,0	119,5	119,5	130,5	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
17	2	13	290,2	290,2	290,2	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
18	1	56	296,4	296,4	296,4	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
19	1	40	45,9	45,9	45,9	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
20	1	69	134,8	115,6	134,8	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
21	2	12	596,4	596,4	596,4	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
22	1	61	580,9	496,6	580,9	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
23	2	26	559,8	559,8	559,8	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
24	2	1	951,3	951,3	951,3	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
25	1	79	470,9	469,7	470,9	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
26	2	25	313,3	313,3	313,3	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
27	2	15	248,2	248,2	248,2	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
28	2	18	421,7	421,7	421,7	0,0	LUK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
29	1	32	96,1	96,1	96,1	0,0	TSN	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
30	1	31	2.950,3	2.827,8	2.950,3	0,0	TSN	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
31	1	4	277,1	277,1	277,1	0,0	BHK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
32	1	15	937,6	937,6	937,6	0,0	TSN	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
33	1	20	372,8	372,8	372,8	0,0	BHK	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
34	1	49	713,9	214,6	214,6	499,3	CLN	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
35	1	51	209,7	209,7	209,7	0,0	CLN	Thu hồi tại QĐ 2083/QĐ-UBND
36	1	2	1.979,7	51,6		1.928,1	DGT	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
37	1	3	40,7	36,0		4,7	DTL	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
38	1	60	52,9	24,8		28,1	DTL	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
39	1	58	18,2	18,2		-	DTL	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
40	1	43	2.565,7	2.140,9		424,8	DGT	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
41	2	85	1.945,8	160,7		1.785,1	DGT	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND

Số TT	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	DT trong RGQH đề nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất (m ²)	DT đã thu hồi, bồi thường GPMB (m ²)	DT còn lại (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=4-5	8	9
42	2	2	80,2	31,4		48,8	DGT	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
43	1	54	2.354,4	1.940,0		414,4	DGT	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
44	1	68	32.420,4	32.420,4		-	DYT	Thu hồi tại QĐ 1749/QĐ-UBND
45	1	38	201,9	201,9		-	LUK	Đất đã thu hồi trọn thửa tại QĐ 180/QĐ-CT ngày 04/02/2005
46	1	39	438,9	438,9		-	LUK	Đất đã thu hồi trọn thửa tại QĐ 180/QĐ-CT ngày 04/02/2005
47	1	53	158,6	158,6		-	LUK	Đất đã thu hồi trọn thửa tại QĐ 180/QĐ-CT ngày 04/02/2005
48	1	57	50,0	50,0		-	LUK	Đất đã thu hồi trọn thửa tại QĐ 180/QĐ-CT ngày 04/02/2005
49	1	50	21,9	21,9		-		Thu hồi tại QĐ 2323/QĐ-UBND
			56.820,5	51.102,0	13.861,4	5.263,8	-	-